



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG  
INNOVATIVE TECHNOLOGY DEVELOPMENT CORPORATION  
[www.itd.vn](http://www.itd.vn)

Mã chứng khoán: ITD

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**TỪ NGÀY 01/04/2023 ĐẾN NGÀY 30/06/2023**

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

---

**MỤC LỤC**

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán	1-4
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	5
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	6-7
4. Thuyết minh báo cáo tài chính	8-29



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A- Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>131.411.081.657</b>	<b>149.951.812.739</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>3.447.506.240</b>	<b>26.219.617.994</b>
1. Tiền	111		447.506.240	8.219.617.994
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	18.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>102.324.217.574</b>	<b>95.505.040.427</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	127.112.453.320	116.704.786.160
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	1.707.322.842	2.252.122.909
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	6.700.032.423	9.743.722.369
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(33.195.591.011)	(33.195.591.011)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.07</b>	<b>25.049.117.757</b>	<b>27.501.635.519</b>
1. Hàng tồn kho	141		27.647.222.156	30.099.739.918
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.598.104.399)	(2.598.104.399)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>590.240.086</b>	<b>725.518.799</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	351.422.916	74.203.313
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		238.340.496	650.838.812
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	476.674	476.674
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>229.496.632.430</b>	<b>227.413.550.597</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>46.259.176.774</b>	<b>46.930.706.960</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	31.117.638.941	31.496.258.514
- Nguyên giá	222		71.497.394.630	71.390.942.630
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.379.755.689)	(39.894.684.116)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	15.141.537.833	15.434.448.446
- Nguyên giá	228		25.717.714.435	25.717.714.435
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.576.176.602)	(10.283.265.989)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>430.660.800</b>	<b>430.660.800</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		430.660.800	430.660.800
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>181.329.051.888</b>	<b>178.329.051.888</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		208.100.951.888	208.100.951.888
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		8.310.000.000	5.310.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.367.100.000	7.367.100.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(42.449.000.000)	(42.449.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.477.742.968</b>	<b>1.723.130.949</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	1.477.742.968	1.723.130.949
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>360.907.714.087</b>	<b>377.365.363.336</b>

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>95.406.693.043</b>	<b>108.418.809.979</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>62.500.164.418</b>	<b>75.459.515.117</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	12.553.958.737	16.742.239.671
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	6.721.182.931	6.454.612.931
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	99.338.457	50.148.226
4. Phải trả người lao động	314	V.14	293.483.301	200.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	3.345.467.461	3.133.230.209
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	22.282.172.079	22.123.978.223
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	15.217.798.827	25.053.544.967
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	1.220.871.962	1.108.162.227
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	765.890.663	793.398.663
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>32.906.528.625</b>	<b>32.959.294.862</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	924.717.950	924.717.950
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	30.000.000.000	30.000.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18	1.856.299.377	1.870.225.143
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.20	125.511.298	164.351.769

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V.21</b>	<b>265.501.021.044</b>	<b>268.946.553.357</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>265.501.021.044</b>	<b>268.946.553.357</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		245.335.910.000	245.335.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		245.335.910.000	245.335.910.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(721.880.000)	(721.880.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.604.360.982	3.604.360.982
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.282.630.062	20.728.162.375
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		20.728.162.375	4.816.313.752
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(3.445.532.313)	15.911.848.623
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>360.907.714.087</b>	<b>377.365.363.336</b>

TP. HCM, Ngày 25 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Phạm Thị Bích Thảo



Trương Thị Phương Dung



Lâm Thiệu Quân



# CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)

Từ ngày 01/04/2023 đến 30/06/2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/04/2023 đến 30/06/2023		Lũy kế từ 01/04/2023 đến 30/06/2023		Đơn vị tính: VNĐ
			Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	25.184.413.372	16.329.510.493	25.184.413.372	16.329.510.493	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	25.184.413.372	16.329.510.493	25.184.413.372	16.329.510.493	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	19.940.320.560	11.920.944.352	19.940.320.560	11.920.944.352	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.244.092.812	4.408.566.141	5.244.092.812	4.408.566.141	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	718.888.129	4.518.100.400	718.888.129	4.518.100.400	
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	1.027.608.661	469.504.300	1.027.608.661	469.504.300	
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		1.026.113.661	456.050.404	1.026.113.661	456.050.404	
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	5.899.332.430	5.282.877.606	5.899.332.430	5.282.877.606	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	2.481.573.731	2.852.467.610	2.481.573.731	2.852.467.610	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.445.533.881)	321.817.025	(3.445.533.881)	321.817.025	
11. Thu nhập khác	31	VI.07	1.568	95.212.973	1.568	95.212.973	
12. Chi phí khác	32	VI.08	-	3.501.628	-	3.501.628	
13. Lợi nhuận khác	40		1.568	91.711.345	1.568	91.711.345	
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		(3.445.532.313)	413.528.370	(3.445.532.313)	413.528.370	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	-	-	-	-	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(3.445.532.313)	413.528.370	(3.445.532.313)	413.528.370	

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

Trương Thị Phương Dung

TP, HCM, Ngày 25 tháng 07 năm 2023

Tổng giám đốc



Lâm Thiếu Quân

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/04/2023 đến 30/06/2023

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm	
			Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(3.445.532.313)	413.528.370
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		777.982.186	701.942.770
- Các khoản dự phòng	03		98.783.969	(246.316.503)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(538.209)	(3.548.359)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(36.534.246)	(4.502.066.324)
- Chi phí lãi vay	06		1.026.113.661	456.050.404
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(38.840.471)	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.618.565.423)	(3.180.409.642)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.855.161.746)	(22.821.694.354)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.452.517.762	(6.785.435.878)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3.174.507.824)	5.493.685.133
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(31.831.622)	(267.801.634)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(1.060.412.131)	(61.701.741)
- Tiền lãi vay đã trả	14			(394.642.098)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		(27.508.000)	(122.776.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(11.315.468.984)</b>	<b>(28.140.776.214)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(106.452.000)	(180.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.000.000.000)	(3.636.915.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.485.017.161	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.621.434.839)</b>	<b>(3.816.915.000)</b>



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

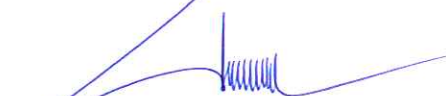
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm	
			Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		10.659.318.538	30.528.087.559
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(20.495.064.678)	(2.764.150.400)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(9.835.746.140)</i>	<i>27.763.937.159</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>(22.772.649.963)</i>	<i>(4.193.754.055)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>26.219.617.994</i>	<i>27.764.239.420</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		538.209	3.548.359
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<i>3.447.506.240</i>	<i>23.574.033.724</i>

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Trương Thị Phương Dung

TP. HCM, Ngày 25 tháng 07 năm 2023

Tổng Giám đốc



Lâm Thiều Quân

## CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần.

2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Thương mại và dịch vụ

3. **Ngành nghề kinh doanh:**

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Mua bán hệ thống an ninh, hệ thống báo cháy, báo trộm, giám sát bán hàng
- Sản xuất và mua bán phần mềm tin học

4. **Nhân viên**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 Công ty có 87 nhân viên đang làm việc

5. **Cấu Trúc Công ty**

**Thông tin công ty con**

Tên Công ty	Hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu	Buôn bán thiết bị điện tử, viễn thông, cho thuê trạm BTS	48,23%	48,23%	51,44%
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	Mua bán các thiết bị điện tử.	78,21%	78,21%	78,21%
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	Mua bán máy móc, phụ tùng, nguyên vật liệu, kim khí điện máy, máy văn phòng;	88,98%	88,98%	88,98%
Công ty TNHH một thành viên kỹ thuật công nghệ Tiên Phong	Sản xuất phần mềm tin học; Tư vấn, cài đặt,	100%	100%	100%
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính	Mua bán camera quan sát, báo trộm, âm thanh thông báo, thiết bị đo lường công nghiệp, dân dụng; thiết bị điện, điện tử.	98,80%	98,80%	98,80%
Công ty TNHH một thành viên Innovative Software Development	Sản xuất phần mềm tin học; Tư vấn, cài đặt.	100%	100%	100%
Công ty CP tư vấn & PT Phần Mềm Larion	Kinh doanh sản xuất phần mềm	51%	51%	51%

#### Công ty con

Công ty cổ phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu có trụ sở chính tại Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 30/06/2023, tỷ lệ vốn góp là 48,23% và tỷ lệ quyền biểu quyết 51,44% trong đó có khoản 3,21% là quyền biểu quyết mà Tiên Phong được Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Tánh Linh ủy quyền biểu quyết.



## CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

#### Công ty liên kết

Công ty chi đầu tư vào Công ty cổ phần định vị Tiên Phong có trụ sở chính tại Số 01 đường Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là kinh doanh thiết bị định vị. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này lần lượt là 64,92% và 25%.

Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần INTELNET có trụ sở chính tại Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là kinh doanh sản phẩm phần mềm. Tại ngày 30/06/2023, tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này là 49,51%.

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán bằng máy vi tính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.



## CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### **Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**

##### **Công ty con**

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### **Công ty liên kết**

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

##### **Ghi nhận ban đầu**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

##### **Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.



## CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí sản xuất, kinh doanh dự án chưa hoàn thành.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.



## CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

#### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí hội viên câu lạc bộ golf. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước.

##### *Chi phí hội viên câu lạc bộ golf*

Chi phí hội viên câu lạc bộ golf trả trước thể hiện khoản tiền thanh toán tham gia câu lạc bộ golf trong 44 năm. Chi phí hội viên câu lạc bộ golf được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian tham gia (44 năm).

##### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### 7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Máy móc và thiết bị	03-05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03-06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02-05
Tài sản cố định khác	02

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (30 năm).

##### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 04 năm.



## CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

### 10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

#### *Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa*

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa không quá 05% trên doanh thu (Kỳ trước là 05%). Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những Kỳ trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

Tăng, giảm số dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 12. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn Cổ phần”.

### 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



## CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### 15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.



## CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu



## CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

---

#### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	59.238.071	334.809.204
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	388.268.169	7.884.808.790
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	18.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.447.506.240</b>	<b>26.219.617.994</b>

Tại ngày 30/06/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 3.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại lãi suất 4,3%/năm.

**2. Các khoản đầu tư tài chính****2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn****2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đối tượng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá Gốc	Dự phòng	Giá Gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>208.100.951.888</b>	<b>(34.154.000.000)</b>	<b>208.100.951.888</b>	<b>(34.154.000.000)</b>
Công ty CP Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	29.174.984.223	-	29.174.984.223	-
Công ty CP Công Nghệ Tự Động Tân Tiến	12.916.954.100	-	12.916.954.100	-
Công ty CP Tin Học Siêu Tính	9.817.036.601	-	9.817.036.601	-
Công ty CP Cơ Điện Thạch Anh	37.204.976.964	(31.615.000.000)	37.204.976.964	(31.615.000.000)
Công ty TNHH MTV KTCN Tiên Phong	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV INNOVATIVE SOFTWARE DEVELOPMENT	9.000.000.000	(2.539.000.000)	9.000.000.000	(2.539.000.000)
Công ty cổ phần Tư Vấn và Phát triển Phần mềm Larion	89.987.000.000	-	89.987.000.000	-
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>8.310.000.000</b>	<b>(3.017.000.000)</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>(3.017.000.000)</b>
Công ty cổ phần định vị Tiên Phong	2.310.000.000	(2.310.000.000)	2.310.000.000	(2.310.000.000)
Công ty cổ phần INTELNET	6.000.000.000	(707.000.000)	3.000.000.000	(707.000.000)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>7.367.100.000</b>	<b>(5.278.000.000)</b>	<b>7.367.100.000</b>	<b>(5.278.000.000)</b>
Công ty cổ phần Giao Thông Số Việt Nam	7.367.100.000	(5.278.000.000)	7.367.100.000	(5.278.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>223.778.051.888</b>	<b>(42.449.000.000)</b>	<b>220.778.051.888</b>	<b>(42.449.000.000)</b>

**Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết**

Công ty cổ phần định vị Tiên Phong đã tạm ngừng hoạt động và đang làm thủ tục giải thể.



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		Số cuối kỳ	Số đầu năm		
<b>Phải thu các bên liên quan</b>		<b>1.187.745.637</b>	<b>1.004.823.165</b>		
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu		604.147.765	394.176.608		
Công ty CP Công Nghệ Tự Động Tân Tiến		230.149.490	353.444.400		
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem		219.673.987	-		
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development		34.278.495	88.351.143		
Công ty CP Tin Học Siêu Tính		97.227.900	163.181.014		
Công ty Cổ Phần INTELNET		2.268.000	5.670.000		
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		<b>125.924.707.683</b>	<b>115.699.962.995</b>		
Công ty TNHH Thu Phí Tự Động VETC		68.599.423.798	68.599.423.798		
TCT Phát Triển Hạ Tầng & Đầu Tư Tài Chính Việt Nam-Cty CP		9.034.016.361	10.604.694.370		
Công ty CP Sonadezi Châu Đức		9.007.332.740	9.007.332.740		
Các khách hàng khác		39.283.934.784	27.488.512.087		
<b>Cộng</b>		<b>127.112.453.320</b>	<b>116.704.786.160</b>		
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		Số cuối kỳ	Số đầu năm		
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>		-	-		
<b>Trả trước cho người bán khác</b>		<b>1.707.322.842</b>	<b>2.252.122.909</b>		
Công ty TNHH GSI		-	617.551.424		
Trường Cao Đẳng Đường Sắt		742.153.927	742.153.927		
Nhà cung cấp khác		965.168.915	892.417.558		
<b>Cộng</b>		<b>1.707.322.842</b>	<b>2.252.122.909</b>		
5. Phải thu ngắn hạn/ dài hạn khác		Số đầu năm			
5a. Phải thu ngắn hạn khác	Số cuối kỳ		Số đầu năm		
	Giá Gốc	Dự phòng	Giá Gốc		
			Dự phòng		
<b>Phải thu các bên liên quan</b>		<b>4.239.849.000</b>	<b>(3.500.000.000)</b>	<b>5.869.925.866</b>	<b>(3.500.000.000)</b>
Công ty CP Công Nghệ Tự Động Tân Tiến - khác		73.310.000	-	48.848.367	-
Công ty CP Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu - khác		126.875.089	-	497.982.073	-
Công ty TNHH liên doanh Global sitem - khác		315.128.911	-	240.581.826	-
Công ty CP Cơ Điện Thạch Anh - Cho mượn		3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development - khác		19.245.000	-	16.880.000	-
Công ty cổ phần Tin Học Siêu Tính		205.290.000	-	1.565.633.600	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>		<b>2.460.183.423</b>	-	<b>3.873.796.503</b>	-
Ký cược, ký quỹ		1.577.423.689	-	1.617.535.660	-
Tạm ứng		103.229.873	-	111.156.000	-
Phải thu khác		779.529.861	-	2.145.104.843	-
<b>Cộng</b>		<b>6.700.032.423</b>	<b>(3.500.000.000)</b>	<b>9.743.722.369</b>	<b>(3.500.000.000)</b>
5b. Phải thu dài hạn khác					
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn					

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

6. Nợ khó đòi	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	<b>3.500.000.000</b>	-	<b>3.500.000.000</b>	-
Công ty CP cơ điện Thạch Anh	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
<i>Phải thu tiền cho mượn</i>	<b>3.500.000.000</b>	-	<b>3.500.000.000</b>	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>35.884.039.438</b>	<b>6.188.448.427</b>	<b>35.884.039.438</b>	<b>6.188.448.427</b>
Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC - Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.056.341.349	6.188.448.427	25.056.341.349	6.188.448.427
Công ty Cổ phần 715 – Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.196.346.285	-	2.196.346.285	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Băng Dương – Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.896.814.588	-	3.896.814.588	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác – Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.734.537.216	-	4.734.537.216	-
<b>Cộng</b>	<b>39.384.039.438</b>	<b>6.188.448.427</b>	<b>39.384.039.438</b>	<b>6.188.448.427</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Số đầu năm</b>	33.195.591.011	21.840.804.325
Hoàn nhập dự phòng khó đòi	-	11.354.786.686
<b>Số cuối năm</b>	<b>33.195.591.011</b>	<b>33.195.591.011</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.	23.495.929.632	-	20.713.421.067	-
Hàng hóa	4.151.292.524	(2.598.104.399)	9.386.318.851	(2.598.104.399)
<b>Cộng</b>	<b>27.647.222.156</b>	<b>(2.598.104.399)</b>	<b>30.099.739.918</b>	<b>(2.598.104.399)</b>

Giá trị hàng hóa tồn kho chậm tiêu thụ hoặc khó có thể thanh lý để thu hồi giá trị cuối kỳ là 2.598.104.399 VND (Số đầu năm là 2.598.104.399 VND).

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**

**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	7.119.162	7.906.508
Chi phí bảo hiểm	29.214.313	10.867.642
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	-
Chi phí khác	315.089.441	55.429.163
<b>Cộng</b>	<b>351.422.916</b>	<b>74.203.313</b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí hội viên câu lạc bộ golf	540.001.223	545.979.098
Chi phí sửa chữa	641.342.830	817.229.438
Công cụ, dụng cụ	296.398.915	359.922.413
<b>Cộng</b>	<b>1.477.742.968</b>	<b>1.723.130.949</b>



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sang Tào, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	50.300.949.660	17.382.379.854	1.919.578.182	1.788.034.934	71.390.942.630
Mua trong năm	-	-	-	106.452.000	106.452.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>50.300.949.660</b>	<b>17.382.379.854</b>	<b>1.919.578.182</b>	<b>1.894.486.934</b>	<b>71.497.394.630</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	19.075.288.478	17.382.379.854	1.919.578.182	1.517.437.602	39.894.684.116
Khấu hao trong năm	425.804.475	-	-	59.267.098	485.071.573
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>19.501.092.953</b>	<b>17.382.379.854</b>	<b>1.919.578.182</b>	<b>1.576.704.700</b>	<b>40.379.755.689</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	31.225.661.182	-	-	270.597.332	31.496.258.514
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>30.799.856.707</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>317.782.234</b>	<b>31.117.638.941</b>

**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	24.053.529.245	1.664.185.190	25.717.714.435
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>24.053.529.245</b>	<b>1.664.185.190</b>	<b>25.717.714.435</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	9.565.969.275	717.296.714	10.283.265.989
Khấu hao trong kỳ	191.916.459	100.994.154	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>9.757.885.734</b>	<b>818.290.868</b>	<b>10.576.176.602</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	14.487.559.970	946.888.476	15.434.448.446
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>14.295.643.511</b>	<b>845.894.322</b>	<b>15.141.537.833</b>

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>5.136.836.851</b>	<b>7.044.657.774</b>
Công ty CP Kỹ Thuật điện Toàn Cầu	8.345.282	26.166.205
Công ty CP Cơ Điện Thạch Anh	93.381.569	93.381.569
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	4.969.110.000	6.069.110.000
Công ty cổ phần Tin Học Siêu Tính	66.000.000	856.000.000
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>7.417.121.886</b>	<b>9.697.581.897</b>
TRADINH AND SOLUTION CONSULTING INC	140.931.180	585.415.850
Công ty TNHH Phân Phối Synnex FPT	-	1.160.482.400
Công ty Cổ Phần Phân Phối Công Nghệ Quang Dũng	303.974.400	882.579.544
Công ty Cổ Phần Hội Tụ Thông Minh	1.006.830.000	105.655.000
Các nhà cung cấp khác	5.965.386.306	6.963.449.103
<b>Cộng</b>	<b>12.553.958.737</b>	<b>16.742.239.671</b>

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Trả trước của các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>	<b>6.721.182.931</b>	<b>6.454.612.931</b>
Công ty Cổ Phần Tasco Nam Thái	130.820.000	130.820.000
Cục B01 - Bộ Công An	5.515.200.000	5.515.200.000
Các khách hàng khác	1.075.162.931	808.592.931
<b>Cộng</b>	<b>6.721.182.931</b>	<b>6.454.612.931</b>



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	476.674	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	22.264.780	22.264.780	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	50.148.226	-	245.513.662	196.323.431	99.338.457	-
<b>Cộng</b>	<b>50.148.226</b>	<b>476.674</b>	<b>267.778.442</b>	<b>218.588.211</b>	<b>99.338.457</b>	<b>-</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp phần mềm
- Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khu phi thuế quan
- Hàng hóa, dịch vụ

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Không chịu thuế  
0%  
8%-10%

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

**14. Phải trả người lao động**

Lương, thưởng phải trả nhân viên.

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Chi phí thi công cho công trình

Chi phí phải trả dịch vụ

Cộng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thi công cho công trình	437.285.643	175.048.391
Chi phí phải trả dịch vụ	2.908.181.818	2.958.181.818
<b>Cộng</b>	<b>3.345.467.461</b>	<b>3.133.230.209</b>

**16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****16a. Phải trả ngắn hạn khác**

Phải trả các bên liên quan

Công ty CP Công Nghệ Tự Động Tân Tiến - phải trả dịch vụ tiện ích

Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - phải trả dịch vụ tiện ích

Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - phải trả lãi vay

Công ty TNHH MTV kỹ thuật CN Tiên Phong - Cho mượn

Phải trả các đơn vị và cá nhân khác

Phải trả tiền mượn các cá nhân

Phải trả BHXH

Phải trả khác

Nhận ký quỹ, ký cược

Cộng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>21.540.449.536</b>	<b>21.525.371.853</b>
Công ty CP Công Nghệ Tự Động Tân Tiến - phải trả dịch vụ tiện ích	39.644.331	12.064.086
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - phải trả dịch vụ tiện ích	2.860.000	5.773.520
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - phải trả lãi vay	747.945.205	757.534.247
Công ty TNHH MTV kỹ thuật CN Tiên Phong - Cho mượn	20.750.000.000	20.750.000.000
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>741.722.543</b>	<b>598.606.370</b>
Phải trả tiền mượn các cá nhân	257.132.300	98.132.301
Phải trả BHXH	8.825.602	-
Phải trả khác	157.601.201	182.310.629
Nhận ký quỹ, ký cược	318.163.440	318.163.440
<b>Cộng</b>	<b>22.282.172.079</b>	<b>22.123.978.223</b>

**16b. Phải trả dài hạn khác**

Phải trả các bên liên quan

Phải trả các tổ chức và cá nhân khác

Nhận ký quỹ, ký cược

Cộng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>924.717.950</b>	<b>924.717.950</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	924.717.950	924.717.950
<b>Cộng</b>	<b>924.717.950</b>	<b>924.717.950</b>

**17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****17a. Vay ngắn hạn****Vay ngắn hạn ngân hàng**

Vay Ngân hàng TMCP phần Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam, CN TP. Hồ Chí Minh (1)

Cộng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá Trị	Số có khả năng trả nợ	Giá Trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>15.217.798.827</b>	<b>15.217.798.827</b>	<b>25.053.544.967</b>	<b>25.053.544.967</b>
Vay Ngân hàng TMCP phần Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam, CN TP. Hồ Chí Minh (1)	15.217.798.827	15.217.798.827	25.053.544.967	25.053.544.967
<b>Cộng</b>	<b>15.217.798.827</b>	<b>15.217.798.827</b>	<b>25.053.544.967</b>	<b>25.053.544.967</b>

(1) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và thế chấp 1.500.000 cổ phiếu niêm yết của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (xem thuyết minh số V2b).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	25.053.544.967	10.659.318.538	(20.495.064.678)	15.217.798.827
<b>Cộng</b>	<b>25.053.544.967</b>	<b>10.659.318.538</b>	<b>(20.495.064.678)</b>	<b>15.217.798.827</b>



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

**17b. Vay dài hạn****Vay dài hạn các bên liên quan**

Khoản vay Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu để bổ sung vốn kinh doanh và đầu tư với lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 02 năm.

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn công ty nội bộ	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>30.000.000.000</b>

**17c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**18. Dự phòng phải trả ngắn hạn/dài hạn****18a. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến sản phẩm, hàng hóa. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	<u>1.108.162.227</u>
Trích lập dự phòng	120.757.138
Số sử dụng	(8.047.403)
Số cuối kỳ	<u><u>1.220.871.962</u></u>

**18b. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến sản phẩm, hàng hóa. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	<u>1.870.225.143</u>
Trích lập dự phòng	55.094.299
Số sử dụng	(69.020.065)
Số cuối kỳ	<u><u>1.856.299.377</u></u>

**19. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

Số đầu năm	<u>793.398.663</u>
Chi quỹ trong kỳ	(27.508.000)
Số cuối kỳ	<u><u>765.890.663</u></u>

**20. Quỹ Phát triển khoa học công nghệ**

	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định	Cộng
Số đầu năm	94.103.950	70.247.819	164.351.769
Khấu hao tài sản cố định	-	(38.840.471)	(38.840.471)
Số cuối kỳ	<u>94.103.950</u>	<u>31.407.348</u>	<u>125.511.298</u>

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

**21. Vốn chủ sở hữu****21.a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>213.436.540.000</b>	<b>(721.880.000)</b>	<b>3.604.360.982</b>	<b>25.218.233.347</b>	<b>241.537.254.329</b>
Phát hành cổ phiếu	10.635.730.000	-	-	-	10.635.730.000
Hoàn quỹ khen thưởng	-	-	-	861.720.405	861.720.405
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	15.911.848.623	15.911.848.623
Chia cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu	21.263.640.000	-	-	(21.263.640.000)	-
<b>Số dư cuối Kỳ trước</b>	<b>245.335.910.000</b>	<b>(721.880.000)</b>	<b>3.604.360.982</b>	<b>20.728.162.375</b>	<b>268.946.553.357</b>
<b>Số dư đầu Kỳ này</b>	<b>245.335.910.000</b>	<b>(721.880.000)</b>	<b>3.604.360.982</b>	<b>20.728.162.375</b>	<b>268.946.553.357</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(3.445.532.313)	(3.445.532.313)
<b>Số dư cuối Kỳ này</b>	<b>245.335.910.000</b>	<b>(721.880.000)</b>	<b>3.604.360.982</b>	<b>17.282.630.062</b>	<b>265.501.021.044</b>

**21 b. Cổ phiếu**

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

Số lượng cổ phiếu đã phát hành

- *Cổ phiếu phổ thông*- *Cổ phiếu ưu đãi*

Số lượng cổ phiếu được mua lại

- *Cổ phiếu phổ thông*- *Cổ phiếu ưu đãi*

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

- *Cổ phiếu phổ thông*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	24.533.591	24.533.591
	24.533.591	24.533.591
	24.533.591	24.533.591
	-	-
	72.188	72.188
	72.188	72.188
	-	-
	24.461.403	24.461.403
	24.461.403	24.461.403



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Đối tượng	Từ 01/04/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/04/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>25.184.413.372</b>	<b>16.329.510.493</b>	<b>25.184.413.372</b>	<b>16.329.510.493</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	19.259.314.165	11.739.553.600	19.259.314.165	11.739.553.600
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.925.099.207	4.589.956.893	5.925.099.207	4.589.956.893
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>25.184.413.372</b>	<b>16.329.510.493</b>	<b>25.184.413.372</b>	<b>16.329.510.493</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

Đối tượng	Từ 01/04/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/04/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022
Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	14.945.364.924	9.810.568.279	14.945.364.924	9.810.568.279
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.994.955.636	2.110.376.073	4.994.955.636	2.110.376.073
<b>Cộng</b>	<b>19.940.320.560</b>	<b>11.920.944.352</b>	<b>19.940.320.560</b>	<b>11.920.944.352</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Đối tượng	Từ 01/04/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/04/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	36.534.246	2.066.324	36.534.246	2.066.324
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.731.657	12.485.717	2.731.657	12.485.717
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	4.500.000.000	-	4.500.000.000
mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	538.209	3.548.359	538.209	3.548.359
Lãi CLTG phát sinh	322.270	-	322.270	-
Khác	678.761.747	-	678.761.747	-
<b>Cộng</b>	<b>718.888.129</b>	<b>4.518.100.400</b>	<b>718.888.129</b>	<b>4.518.100.400</b>

**4. Chi phí hoạt động tài chính**

Đối tượng	Từ 01/04/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/04/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022
Chi phí lãi vay	1.026.113.661	456.050.404	1.026.113.661	456.050.404
Lỗ CLTG phát sinh	1.495.000	13.453.896	1.495.000	13.453.896
<b>Cộng</b>	<b>1.027.608.661</b>	<b>469.504.300</b>	<b>1.027.608.661</b>	<b>469.504.300</b>

**5. Chi phí bán hàng**

Đối tượng	Từ 01/04/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/04/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022
Chi phí cho nhân viên	5.398.663.234	4.884.943.753	5.398.663.234	4.884.943.753
Chi phí đồ dùng văn phòng	92.430.637	89.040.950	92.430.637	89.040.950
Chi phí bảo hành	-	11.101.484	-	11.101.484
Chi phí khấu hao TSCĐ	69.199.998	-	69.199.998	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	257.752.477	169.038.640	257.752.477	169.038.640
Chi phí khác	81.286.084	128.752.779	81.286.084	128.752.779
<b>Cộng</b>	<b>5.899.332.430</b>	<b>5.282.877.606</b>	<b>5.899.332.430</b>	<b>5.282.877.606</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Đối tượng	Từ 01/04/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/04/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022
Chi phí cho nhân viên	1.924.747.202	1.779.899.693	1.924.747.202	1.779.899.693
Chi phí đồ dùng văn phòng	53.485.245	72.272.940	53.485.245	72.272.940
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.819.628	25.424.080	8.819.628	25.424.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	467.732.751	882.282.304	467.732.751	882.282.304
Chi phí khác	26.788.905	92.588.593	26.788.905	92.588.593
<b>Cộng</b>	<b>2.481.573.731</b>	<b>2.852.467.610</b>	<b>2.481.573.731</b>	<b>2.852.467.610</b>



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

**7. Thu nhập khác**

Đối tượng	Từ 01/04/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/04/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022
Thu tiền Vsop	-	95.212.973	-	95.212.973
Khác	1.568	-	1.568	-
<b>Cộng</b>	<b>1.568</b>	<b>95.212.973</b>	<b>1.568</b>	<b>95.212.973</b>

**8. Chi phí khác**

Đối tượng	Từ 01/04/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/04/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022
Chi phí khác	-	3.501.628	-	3.501.628
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.501.628</b>	<b>-</b>	<b>3.501.628</b>

**9. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế suất áp dụng

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

Đối tượng	Từ 01/04/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/04/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022
Chi phí hàng hóa xuất bán	14.327.643.990	9.774.913.078	14.327.643.990	9.774.913.078
Chi phí nhân công	7.461.059.090	6.664.843.446	7.461.059.090	6.664.843.446
Thiết bị văn phòng và VPP	145.915.882	161.313.890	145.915.882	161.313.890
Chi phí khấu hao tài sản cố định	739.141.715	701.942.770	739.141.715	701.942.770
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.363.539.618	3.267.650.308	5.363.539.618	3.267.650.308
Chi phí khác	283.926.426	221.341.372	283.926.426	221.341.372
<b>Cộng</b>	<b>28.321.226.721</b>	<b>20.792.004.864</b>	<b>28.321.226.721</b>	<b>20.792.004.864</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập ban lãnh đạo	Chức vụ	Lũy kế đến 30/06/2023	Lũy kế đến 30/06/2022
<b>Ban giám đốc</b>		<b>1.308.888.000</b>	<b>1.728.986.216</b>
Lâm Thiệu Quân	Tổng Giám Đốc	218.400.000	543.361.235
Nguyễn Vinh Thuận	Phó Tổng Giám Đốc	243.600.000	273.500.656
Nguyễn Thị Thu Sương	Giám Đốc Tài Chính	235.600.000	238.778.843
Phạm Đức Long	Giám Đốc Kỹ Thuật	255.000.000	380.465.482
Đỗ Thị Thu Hà	Giám Đốc Kiểm Soát Nội Bộ	171.000.000	119.000.000
Trương Thị Phương Dung	Kế Toán Trưởng	185.288.000	173.880.000
<b>Thành viên hội đồng quản trị</b>		<b>89.700.000</b>	<b>120.300.000</b>
Doãn Thị Bích Ngọc	Thành viên hội đồng quản trị	23.400.000	15.300.000
Lâm Thiệu Quân	Thành viên hội đồng quản trị	15.900.000	15.300.000
Lưu Đức Khánh	Thành viên hội đồng quản trị	-	18.000.000
Mạc Quang Huy	Thành viên hội đồng quản trị	-	18.300.000
Nguyễn Đức Thắng	Thành viên hội đồng quản trị	-	22.800.000
Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên hội đồng quản trị	15.900.000	15.300.000
Nguyễn Vinh Thuận	Thành viên hội đồng quản trị	15.900.000	15.300.000
Đình Hoài Châu	Thành viên hội đồng quản trị	18.600.000	-
<b>Ban kiểm soát</b>		<b>19.800.000,00</b>	<b>33.900.000,00</b>
Trịnh Thị Thúy Liễu	Trưởng ban	-	15.300.000
Đỗ Thị Thu Hà	Thành viên	9.900.000	9.300.000
Mai Ngọc Phượng	Thành viên	9.900.000	9.300.000
<b>Cộng</b>		<b>1.418.388.000</b>	<b>1.883.186.216</b>

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem	Cùng tập đoàn
Công ty cổ phần In No	Cùng tập đoàn

Công ty phát sinh các giao dịch với các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Công ty TNHH liên doanh Global Sitem</b>		
Cho thuê kho, thuê văn phòng	200.561.806	179.774.686
Phải thu chi phí chia sẻ	70.031.441	45.285.896

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu</b>		
Mua hàng hoá và dịch vụ	10.208.788	9.872.411
Cho thuê kho, thuê văn phòng	550.953.422	409.464.759
Bán hàng hóa, dịch vụ	-	11.250.000
Nhận VSOP	-	457.717.825
Vay tiền	-	25.000.000.000
Lãi vay phải trả	747.945.205	398.356.165
Phải thu chi phí chia sẻ	121.561.899	54.018.396
Phải trả chi phí chia sẻ	2.600.000	1.456.000

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

**Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh**

Mua hàng hoá và dịch vụ	66.000.000	60.000.000
Bán hàng hoá và dịch vụ	88.389.000	-
Phải thu chi phí chia sẻ	5.290.000	-

**Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến**

Nhận VSOP	-	18.051.120
Cho thuê kho, thuê văn phòng	492.210.634	456.572.228
Mua hàng hoá và dịch vụ	-	96.000.000
Phải thu chi phí chia sẻ	73.310.000	1.809.225
Phải trả chi phí chia sẻ	25.072.950	2.897.200

**Công ty TNHH MTV INNOVATIVE SOFTWARE DEVELOPMENT**

Cho thuê kho, thuê văn phòng	71.016.171	52.267.056
Mua hàng hoá và dịch vụ	-	860.000.000
Nhận cổ tức	-	4.500.000.000

**Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

**2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

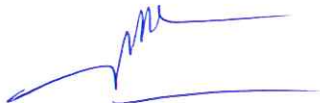
Cơ cấu doanh thu, lãi gộp theo lĩnh vực kinh doanh từ 01/04/2023 đến 30/06/2023

Lĩnh vực	Doanh thu	Giá vốn	Lãi gộp
Hạ tầng - Giao thông	6.673.659.944	5.039.934.298	1.633.725.646
Viễn thông - tin học	14.497.086.300	12.909.573.682	1.587.512.618
Lĩnh vực khác	4.013.667.128	1.990.812.580	2.022.854.548
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.184.413.372</b>	<b>19.940.320.560</b>	<b>5.244.092.812</b>

**2b. Thông tin về khu vực địa lý**

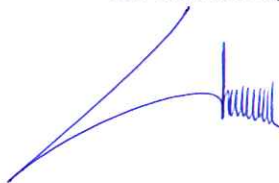
Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Trương Thị Phương Dung

TP. HCM, Ngày 25 tháng 07 năm 2023

Tổng Giám đốc



Lâm Thiếu Quân



